TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/DS-PT
Ngày: 13-02-2023
V/v Tranh chấp quyền về tưới nước, tiêu nước trong canh tác

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Thẩm phán:

- Ông Nguyễn Phước Hưng;
- Ông Trương Văn Hai.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 và ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp quyền về tưới nước, tiêu nước trong canh tác".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân huyện PT, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 253/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 10/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1972; có mặt.

1.2. Ông Trần Phước H, sinh năm 1975; có mặt.

1.3. Ông Trần Phước Hiền E, sinh năm 1976, có đơn xin vắng mặt;

Cùng nơi cư trú: Ấp HH, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang.

1.4. Ông Trần Hùng C2, sinh năm 1970; có đơn xin vắng mặt.

1.5. Ông Trần Hùng D, sinh năm 1971; có mặt.

1.6. Ông Trần Văn U, sinh năm 1982; có mặt;

1.7. Anh Trần Anh T, sinh năm 1995; có mặt.

Ông C2, ông D, ông U, anh T có cùng nơi cư trú: Ấp HT, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Phước H, ông Trần Phước Hiền E và ông Trần Hùng D: Ông Trần Văn C, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp HH, xã HX, huyện PT, An Giang (theo Văn bản ủy quyền ngày 27/01/2023 và Văn bản ủy quyền ngày 29/12/2021).

2.Bị đơn:

2.1. Ông Trần Thiện E2, sinh năm 1968; có mặt.

2.2. Bà Trần Thị Diệu H3, sinh năm 1966; có mặt.

Cùng nơi cư trú: Ấp HT, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Trần Thiện E2,và bà Trần Thị Diệu H3: Bà Nguyễn Minh L2 là Luật sư của Văn phòng Luật sư MP, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

Địa chỉ: 60/10B, đường THĐ, khóm ĐT B, phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Anh T4, sinh năm 1977 (vợ ông C); nơi cư trú: Ấp HH, xã HX, huyện PT, An Giang; có đơn xin vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Diệp T5, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp HH, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang; có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Diệp T5: Ông Trần Văn C, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp HH, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang (theo Văn bản ủy quyền ngày 27/01/2023).

Người kháng cáo: Ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/11/2020, ngày 05/5/2021 và lời khai của nguyên đơn ông Trần Văn C, ông Trần Hùng C2, ông Trần Hùng D, ông Trần Phước H, ông Trần Phước Hiền E, ông Trần Văn U, anh Trần Anh T trình bày:

Các nguyên đơn có khoảng 10 ha đất trồng lúa liền kề với đất của vợ chồng ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3, đất tọa lạc tại ấp HH, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang. Đất các ông nằm trong hậu đất ông Thiện E2, bà Diệu H3, từ trước đến nay việc tưới tiêu nước lúa mương nước từ Kênh Cả Mây qua đất ông Thiện E2, bà Diệu H3 có chiều ngang 04m đến 05m, dài 134m. Vợ chồng ông Thiện E2 có mâu thuẫn với các anh em ruột thì ông Thiện E2 san lấp lại một phần mương nước nhằm buộc phải trả tiền thuê thì mới cho tưới tiêu nước qua đất của ông Thiện E2. Trong quá trình Tòa án giải quyết thì ông Thiện

E2 san lấp toàn bộ mương nước làm cho các ông không có đường tưới tiêu nước.

Nay các nguyên đơn yêu cầu ông Thiện E2 và bà Diệu H3 mở đường nước có chiều ngang khoảng từ 4m đến 5m, dài 134m theo hiện trạng cũ để sử dụng tưới tiêu nước, các nguyên đơn đồng ý bồi thường theo giá thị trường đối vơi diện tích đất của mương nước.

- *Bị đơn ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3 trình bày:*

Vợ chồng ông, bà có diện tích 9.436m^2 đất trồng lúa tọa lạc tại ấp HH, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02036QSĐ/rC ngày 19/4/1999 do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp mang tên Trần Thiện E2 (Ủy ban nhân dân viết tắt là UBND). Đất này của vợ chồng ông, bà được quyền san lấp lại và không đồng ý mở lại mương nước theo yêu cầu của các nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Anh T4 trình bày:*

Bà và ông Trần Văn C là vợ chồng, cùng đứng tên diện tích đất trồng lúa 10.014m^2 tọa lạc ấp HH, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang. Quá trình sử dụng, vợ chồng ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3 san lấp mương nước tưới tiêu gây khó khăn, cản trở việc canh tác lúa. Bà yêu cầu ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3 mở lại mương nước tưới tiêu, khôi phục lại hiện trạng ban đầu để vợ chồng bà được sản xuất lúa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diệp T5 trình bày:*

Bà và ông Trần Phước Hiền E là vợ chồng, có đứng tên diện tích đất trồng lúa tọa lạc ấp HH, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang. Quá trình sử dụng, vợ chồng ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3 san lấp mương nước tưới tiêu gây khó khăn, cản trở việc canh tác lúa. Bà yêu cầu ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3 mở lại mương nước tưới tiêu, khôi phục lại hiện trạng ban đầu để vợ chồng bà được sản xuất lúa.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 218/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân huyện PT, tỉnh An Giang quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 253 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 171 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn C, ông Trần Hùng C2, ông Trần Hùng D, ông Trần Phước H, ông Trần Phước Hiền E, ông Trần Văn U và anh Trần Anh T đối với bị đơn ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3 về việc tranh chấp quyền về tưới nước, tiêu nước trong canh tác.

Buộc ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3 mở lại mương tưới tiêu nước cho ông Trần Văn C, ông Trần Hùng C2, ông Trần Hùng D, ông Trần Phước H, ông Trần Phước Hiền E, ông Trần Văn U và anh Trần Anh T sử dụng có diện tích đất 536m^2 thuộc các thửa 125, 144, 1424 tờ bản đồ số 01 tọa lạc xã HX huyện PT, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02026/rC do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp ngày 19/4/1995 gồm các điểm 15,14, 21, 20, D, C, B, F, 5, 13, 12 của sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 27/4/2021.

(Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh PT lập ngày 27/4/2021 là một phần của bản án dân sự sơ thẩm).

Ông Trần Văn C, ông Trần Văn U, ông Trần Hùng D, ông Trần Phước Hiền E, ông Trần Hùng C2, anh Trần Anh T, ông Trần Phước H có nghĩa vụ trả tiền sử dụng mương nước hàng năm cho ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3 mỗi năm 1.736.000đ (một triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn) đồng). Thời gian thanh toán vào ngày mương nước được mở lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi thanh án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3 kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, vì các hộ này đều có đường nước sử dụng nhiều năm qua.

Các đương sự còn lại không có kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không có kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Luật sư Nguyễn Minh L2 trình bày bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:

- Về tố tụng: Ông Trần Thế V3 vừa là người xác nhận trong giấy ủy quyền của đương sự, vừa là thẩm phán chủ tọa phiên tòa, là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng.

- Về nội dung:

+ Bản án sơ thẩm nhận định các nguyên đơn không có mương nước nào khác để sử dụng ngoài mương nước đi qua đất của ông Thiện E2 là không khách quan, vĩ theo bản vẽ đo đạt hiện trạng thì đất của ông C có mương nước đi qua, ông Cham và các nguyên đơn còn lại có thể sử dụng mương nước này để tưới tiêu. Đề nghị thẩm định đo đạc đường nước đi qua đất của ông C.

+ Cũng theo sơ đồ hiện trạng thì phần đất tiếp giap với đất của ông Thiện ghi là đường đất, không phải mương nước.

+ Trước đây ông Thiện E2 tự đào mương nước, không phải đường nước công cộng, nên phải tính theo giá bơm nước thủy lợi, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ này mà căn cứ vào giá thuê đất để xác định số tiền nguyên đơn phải trả hàng năm cho bị đơn là không phù hợp, gây thiệt hại cho bị đơn,

Do đó, đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về tố tụng:

Từ khi thụ lý phúc thẩm, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của ông Thiện E2, bà Diệu H3 có nội dung rõ ràng, nộp trong thời hạn luật định và ông Thiện E2, bà Diệu H3 đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung vụ án:

Mặc dù bản vẽ thể hiện diện tích 8.904 m^2 của ông Thiện E2 là đất bằng phẳng, tuy nhiên theo giấy CN QSDĐ số 02036. QSDĐ/rc cấp do UBND huyện PT cấp ngày 19/4/1999 cho ông Thiện E2 diện tích 9.436m^2 thì có một phần đất thủy lợi. Do đó, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn mở lại đường nước để tưới tiêu trong canh tác là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Tuy nhiên do Bản án sơ thẩm có sai sót trong việc ghi số giấy chứng nhận QSDĐ và năm cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Thiện E2, nên cần rút kinh nghiệm và sửa lại cách tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo của ông Trần Thiện E2, bà Trần Thị Diệu H3: Ông Thiện E2, bà Diệu H3 nộp đơn kháng trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Đối với các đương sự gồm ông Trần Phước Hiền E, Trần Hùng C2, bà Nguyễn Thị Anh T4 và bà Nguyễn Thị Diệp T5 vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy ông Hiền E, ông Hùng C2, bà Anh T4 và bà Diệp T5 có đơn xin vắng mặt, ngoài ra ông Hiền E, bà Diệp T5 còn có ủy quyền cho ông C tham gia tố tụng. Do đó, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Các nguyên đơn gồm ông Trần Văn C, ông Trần Hùng C2, ông Trần Hùng D, ông Trần Phước H, ông Trần Phước Hiền E, ông Trần Văn U và anh Trần Anh T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3 mở lại mương tưới tiêu nước để các nguyên đơn được canh tác lúa. Bị đơn ông Thiện E2 và bà H3 không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn với lý do mương nước tưới tiêu là thuộc đất của ông bà, năm 2014 các nguyên đơn có đồng ý trả tiền thuê sử dụng mương nước tưới tiêu với giá 10.000.000 đồng một năm nhưng từ năm 2015 các nguyên đơn không đồng ý nên ông bà không cho sử dụng mương nước nữa và đã san lấp lại mương nước.

[2.2]. Nhận thấy, mương nước các bên có tranh chấp là một phần của nhánh Cả Mây tọa lạc tại ấp HH, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang phục vụ việc tưới, tiêu trong canh tác lúa cho nhiều hộ dân trong khu vực, trong đó có các hộ của nguyên đơn và bị đơn trong vụ án. Mương nước này có đoạn qua đất của ông Thiện E2 và bà Diệu H3 đã được ông Huỳnh Văn E5 đào từ trước năm 1990 để sử dụng cho đất của ông Huỳnh Văn E5 có diện tích gần 10.000m^2. Sau đó ông Huỳnh Văn E5 chuyển nhượng phần đất này cho ông Nguyễn Văn Luận, năm 1994 ông Luận chuyển nhượng lại cho ông Thiện E2 và ông Thiện E2 tiếp tục sử dụng mương nước này. Đất nhận chuyển nhượng từ ông Luận, ông Thiện E2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 9.436m^2 gồm các thửa 125, 144, 1424 tờ bản đồ số 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02036/rC do UBND huyện PT cấp ngày 19/4/1999. Ngoài ra, ông Thiện E2 còn có 10.000m^2 đất nông nghiệp liền kề thuộc thửa 118, tờ bản đồ số 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01915/rC do UBND huyện PT cấp ngày 12/11/1997.

[2.3]. Các đương sự gồm: Ông C2, ông D, ông H, ông Hiền E và ông U với ông Thiện E2 là anh em ruột, còn ông C là anh em họ, ông Thái là cháu ông Thiện E2. Do có mâu thuẫn với nhau nên vào năm 2014, ông Thiện E2 đòi san lấp mương nước đoạn qua đất ông Thiện E2 nên các nguyên đơn có thỏa thuận trả tiền sử dụng mương nước 10.000.000 đồng/năm. Các nguyên đơn đã trả 10.000.000 đồng tiền thuê đường nước của năm 2014, năm tiếp theo các nguyên đơn không đồng ý trả thì ông Thiện E2 đòi san lấp không cho các nguyên đơn sử dụng thì xảy ra tranh chấp. Sự việc được UBND xã HX hòa giải nhưng không thành và ông Thiện E2 đã san lấp mương nước tưới tiêu, không cho các nguyên đơn sử dụng.

[2.4]. Xét mương nước tưới tiêu này đã có từ lâu, đã được sử dụng trên 30 năm phục vụ việc tưới tiêu trong canh tác lúa cho nhiều hộ dân trong đó có cả đất của mẹ ruột ông Thiện E2 (ông U đang làm cho bà), mương nước này các nguyên đơn không còn đường tưới tiêu nào khác. Mặc dù theo bản vẽ đo đạc thì đất của ông C (phần phía sau hậu) có thể hiện mương nước, nhưng các nguyên đơn còn lại thì không có đường tưới tiêu. Nay các nguyên đơn gồm ông C, Ông C2, ông D, ông H, ông Hiền E, ông U và anh T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Thiện E2 và bà H3 để cho các nguyên đơn có mương nước phục vụ cho việc

tưới tiêu nước là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 253 Bộ luật Dân sự. Do đó, buộc bị đơn ông Thiện E2 và vợ bà Diệu H3 có nghĩa vụ mở lại mương tưới tiêu nước theo hiện trạng cũ có diện tích đo đạc thực tế 536m^2 gồm các điểm 15,14, 21, 20, D, C, B, F, 5, 13, 12 của sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh PT lập ngày 27/4/2021.

[2.5]. Án sơ thẩm buộc các nguyên đơn được sử dụng mương nước tưới tiêu có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Thiện E2 và bà Diệu H3 theo giá tiền cho thuê đất hàng năm tương ứng với diện tích sử dụng mương nước 536m^2 với số tiền 1.736.000 đồng/01 năm là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn tự nguyện trả tiền thuê sử dụng mương nước với giá 2.000.000đ/năm, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào sự tự nguyện này của các nguyên đơn để xác định số tiền các nguyên đơn phải trả tiền thuê đất hàng năm cho bị đơn.

[2.6]. Về án phí và chi phí tố tụng: Giữ nguyên theo nội dung của án sơ thẩm đã tuyên.

[3]. Từ những phận tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Thiện E2 và bà Diệu H3, sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 218/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân huyện PT, tỉnh An Giang.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần, nên ông Thiện E2, bà Diệu H3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân huyện PT, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 159, khoản 4 Điều 161, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 288, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn C, ông Trần Hùng C2, ông Trần Hùng D, ông Trần Phước H, ông Trần Phước Hiền E, ông Trần Văn U và anh Trần Anh T đối với bị đơn ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3 về việc tranh chấp quyền về tưới nước, tiêu nước trong canh tác.

2.2. Buộc ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3 mở lại mương tưới tiêu nước cho ông Trần Văn C, ông Trần Hùng C2, ông Trần Hùng D, ông Trần Phước H, ông Trần Phước Hiền E, ông Trần Văn U và anh Trần Anh T sử dụng có diện tích đất 536m^2 thuộc các thửa 125, 144, 1424 tờ bản đồ số 01 tọa lạc xã HX huyện PT, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02036/rC do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp ngày 19/4/1999 gồm các điểm 15,14, 21, 20, D, C, B, F, 5, 13, 12 của sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 27/4/2021.

(Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh PT lập ngày 27/4/2021 là một phần của bản án dân sự sơ thẩm)

2.3. Ông Trần Văn C, ông Trần Hùng C2, ông Trần Hùng D, ông Trần Phước H, ông Trần Phước Hiền E, ông Trần Văn U và anh Trần Anh T có nghĩa vụ trả tiền sử dụng mương nước hàng năm cho ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3 mỗi năm bằng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian thanh toán vào ngày mương nước được mở lại.

2.4. Ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3 phải chịu 4.690.087 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do các nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này, nên ông Trần Thiện E2 và bà Trần Thị Diệu H3 có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Trần Văn C, ông Trần Hùng C2, ông Trần Hùng D, ông Trần Phước H, ông Trần Phước Hiền E, ông Trần Văn U và anh Trần Anh T 4.690.087đ (bốn triệu sáu trăm chín mươi ngàn không trăm tám mươi bảy đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm thi hành án.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Thiện E2 và bà Diệu H3 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn C, ông Trần Hùng C2, ông Trần Hùng D, ông Trần Phước H, ông Trần Phước Hiền E, ông Trần Văn U và anh Trần Anh T mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền vào 4.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0005692, 0005693, 0005694, 0005695, 0005696, 0005697, 0005698 cùng ngày 26/4/2019

và các biên lai thu số 0001713, 0001714, 0001715, 0001715, 0001716, 0001717, 0001718, 0001719, 0001720 cùng ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT. Trả lại ông Trần Văn C, ông Trần Hùng C2, ông Trần Hùng D, ông Trần Phước H, ông Trần Phước Hiền E, ông Trần Văn U và anh Trần Anh T 3.900.000đ (ba triệu chín trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Thiện E2, bà Trần Thị Diệu H3 không phải chịu án phí DSPT. Ông Thiện E2, bà Diệu H3 mỗi người được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005567 và biên lai số 0005568 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THADS huyện PT;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng KTNV và THA, Tòa Dân sự, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Sơn